



suān nǎi

酸奶

Noun · yogurt

Example Sentences

wǒ měi tiān zǎo shàng dōu hē yì bēi suān nǎi

我每天早上都喝一杯酸奶。

I drink a cup of yogurt every morning.

niú nǎi fā jiào hòu biàn chéng le suān nǎi

牛奶发酵后变成了酸奶。

Milk becomes yogurt after fermentation.

bīng xiāng lǐ bìng méi yǒu nǐ xiǎng yào de suān nǎi

冰箱里并没有你想要的酸奶。

There is no yogurt you want in the fridge.

Trace each character, then write the word on your own.

酸	酸	酸	酸	酸	酸	酸	酸	酸	酸	酸
酸	酸	酸	酸	酸	酸					
奶	奶	奶	奶	奶	奶	奶	奶			